

CÔNG TY CP MAY XUẤT KHẨU PHAN
THIỆT

Số: 01/2023/CBTT

V/v: Công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phan Thiết, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1/Tên TCPH: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

2/Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

3/Trụ sở chính: 282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Tp Phan Thiết, Tỉnh Bình
Thuận

4/Điện thoại: 0252. 3821947 - Fax: 0252.3823347

5/Mã chứng khoán : PTG , Sàn giao dịch : UPCOM -

6/Người thực hiện công bố thông tin: HUỖNH THỊ NGỌC CHẨN, là
Giám đốc Tài chính

7/Nội dung của thông tin công bố: Công bố thông tin về Báo cáo tài
chính riêng -Cty mẹ đã được kiểm toán năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng
12 năm 2022

- Địa chỉ Website đăng tải: www.phanthietgarment.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

HUỖNH THỊ NGỌC CHẨN

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Huỳnh Văn Nghi	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Bình	Phó Chủ tịch
Ông Lê Thanh Hoài Vũ	Thành viên
Bà Đặng Thùy Mai	Thành viên
Bà Trần Thị Tuyết Thanh	Thành viên

Ban Kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Thành viên
Ông Đoàn Tấn Kiều	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Lê Thanh Hoài Vũ	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thùy Mai	Phó Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc

2. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Văn Nghi – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

3. Trụ sở chính

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Công ty con

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ góp vốn</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ PLG	Khu phố Phú Trường, Thị trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	100%	100%	100%

5. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết hoạt động theo loại hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3400353333 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 09 năm 2002 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1672/QĐ-CTUBBT ngày 08 tháng 07 năm 2002 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Thuận; Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12 ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán PTG.

Vốn điều lệ : 49.961.850.000 đồng (Bốn mươi chín tỷ chín trăm sáu mươi một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng), tương đương 4.996.185 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng.

6. Hoạt động chính:

Sản xuất quần áo may sẵn, may gia công, dịch vụ thương mại, xây dựng và đầu tư.

7. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 06 đến trang 30.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty.

9. Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt là đơn vị được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm tài chính riêng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

10. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này có được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

11. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chủ tịch HĐQT – Đại diện pháp luật



HUỲNH VĂN NGHI

(Chủ tịch HĐQT – Đại diện pháp luật của Công ty phê duyệt
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và Báo cáo tài chính
Hợp nhất cho năm tài chính 2022 của Công ty)

Bình Thuận, ngày 13 tháng 02 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

HUỲNH MỸ LINH



Số: 115/2022/PTG/BCKT/SV-VP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16 tháng 01 năm 2023 từ trang 06 đến trang 30 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

4

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Phan Thiết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số IV.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 13 tháng 02 năm 2023 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề khác này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Phó Tổng Giám đốc



LÊ VIỆT DŨNG LINH

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2632-2023-107-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ LAN ANH

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 4291-2023-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mẫu số B01 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		254.125.183.790	232.025.529.313
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	156.017.450.073	107.246.802.795
1.	Tiền	111		25.017.450.073	7.246.802.795
2.	Các khoản tương đương tiền	112		131.000.000.000	100.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		43.000.000.000	74.500.000.000
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	43.000.000.000	74.500.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.595.177.716	42.587.074.688
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	36.939.574.404	31.562.305.922
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	11.655.603.312	11.024.768.766
IV.	Hàng tồn kho	140		4.805.776.188	6.289.951.839
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	4.805.776.188	6.289.951.839
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.706.779.813	1.401.699.991
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	183.743.294	114.831.319
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.523.036.519	1.285.870.997
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	997.675
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.741.235.796	44.039.223.508
II.	Tài sản cố định	220		33.486.527.994	36.322.042.295
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	28.265.140.112	30.991.576.813
-	Nguyên giá	222		144.988.250.948	141.216.202.265
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(116.723.110.836)	(110.224.625.452)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.8	5.221.387.882	5.330.465.482
-	Nguyên giá	228		6.998.251.392	6.998.251.392
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.776.863.510)	(1.667.785.910)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.9	3.301.754.915	3.677.290.965
1.	Nguyên giá	231		5.633.101.505	5.633.101.505
2.	Hao mòn lũy kế (*)	232		(2.331.346.590)	(1.955.810.540)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		2.670.725.674	2.670.725.674
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.670.725.674	2.670.725.674
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	500.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.11	500.000.000	500.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.782.227.213	869.164.574
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	1.782.227.213	869.164.574
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		295.866.419.586	276.064.752.821

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mẫu số B01 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		152.563.934.232	121.557.916.093
I. Nợ ngắn hạn	310		152.563.934.232	121.557.916.093
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	6.417.993.253	4.872.243.406
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		706.448.252	16.811.280
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.354.589.990	6.584.044.125
4. Phải trả người lao động	314		133.825.085.500	102.923.940.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	300.252.060	329.420.025
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	6.959.565.177	6.831.457.257
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		143.302.485.354	154.506.836.728
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	143.302.485.354	154.506.836.728
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		49.961.850.000	48.643.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		49.961.850.000	48.643.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.981.812.000	2.315.860.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.961.087.293	11.961.087.293
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		28.060.419.435	53.235.803.421
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.337.316.626	38.350.236.014
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		49.337.316.626	38.350.236.014
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		295.866.419.586	276.064.752.821

Bình Thuận, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NỮ

HUỲNH THỊ NGỌC CHÂN

HUỲNH MỸ LINH



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH RIÊNG

Mẫu số B02 – DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	501.025.983.072	400.217.054.080
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		501.025.983.072	400.217.054.080
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	437.168.971.535	348.148.868.524
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.857.011.537	52.068.185.556
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.834.934.185	6.026.831.801
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	2.232.141.759	653.774.452
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.835.307.600	1.962.432.901
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.784.972.393	9.589.707.327
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.839.523.970	45.889.102.677
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	-	50.922.273
12.	Chi phí khác	32	VI.8	23.149.009	95.338.117
13.	Lợi nhuận khác	40		(23.149.009)	(44.415.844)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.816.374.961	45.844.686.833
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	11.479.058.335	7.494.450.819
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		49.337.316.626	38.350.236.014

Bình Thuận, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ NỮ

HUỲNH THỊ NGỌC CHÂN

HUỲNH MỸ LINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Mẫu số B03 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.816.374.961	45.844.686.833
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		8.512.407.633	10.699.881.350
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		565.448.334	100.871.460
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.519.041.641)	(4.261.108.460)
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		64.375.189.287	52.384.331.183
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.776.349.744)	3.696.060.849
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.484.175.651	(806.883.839)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		31.784.358.377	(15.542.284.912)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(981.974.614)	3.605.180
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.085.900.279)	(5.409.097.285)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		73.799.498.678	34.325.731.176
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.301.357.282)	(2.281.895.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	42.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(362.500.000.000)	(523.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		394.000.000.000	570.440.884.683
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.790.943.011	4.256.827.762
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		31.989.585.729	49.458.544.718

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Mẫu số B03 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		2.983.952.000	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(59.954.220.000)	(9.728.770.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(56.970.268.000)	(9.728.770.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		48.818.816.407	74.055.505.894
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	107.246.802.795	33.234.168.035
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(48.169.129)	(42.871.134)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	156.017.450.073	107.246.802.795

Bình Thuận, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NỮ

HUỲNH THỊ NGỌC CHÂN

HUỲNH MỸ LINH



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết (dưới đây gọi tắt là Công ty) hoạt động theo loại hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3400353333 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 09 năm 2002 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1672/QĐ-CTUBBT ngày 08 tháng 07 năm 2002 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Thuận; Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12 ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán PTG.

Vốn điều lệ: 49.961.850.000 đồng (Bốn mươi chín tỷ chín trăm sáu mươi một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng), tương đương 4.996.185 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

2. Trụ sở chính

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 282 Nguyễn Hội, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

3. Công ty con

Tên Công ty con	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ PLG	Khu phố Phú Trường, Thị trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Cung cấp suất ăn công nghiệp; dịch vụ ăn uống	100%

4. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất quần áo may sẵn, may gia công, dịch vụ thương mại, xây dựng và đầu tư.

5. Chu kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

6. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số lượng nhân viên của Công ty là 2.842 nhân viên đang làm việc.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập trên cơ sở kế toán dồn tích, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số V.11. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 13 tháng 02 năm 2023.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và Công ty con.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có).

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là tương đương tiền;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con;
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết;
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

5. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

6. Tài sản cố định hữu hình, TSCĐ vô hình, bất động sản đầu tư và khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh đối với TSCĐ có liên quan đến sản xuất kinh doanh. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính được áp dụng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao của một số nhóm tài sản cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc thiết bị	05 – 07 năm
Phương tiện vận tải	05 – 07 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 06 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính, và được phân loại:

- Có thời hạn thu hồi không quá 01 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi từ 01 năm trở lên kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

8. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp, và được phân bổ theo đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

9. Ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa, và được phân loại khi lập Báo cáo tài chính, cụ thể:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là nợ dài hạn.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng nếu Công ty có bằng chứng đáng tin cậy về chi phí ước tính phải chịu trong tương lai thì được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, nhằm giảm sự gia tăng chi phí đột biến khi chi phí phát sinh thực tế. Chênh lệch (nếu có) giữa chi phí phát sinh thực tế với số đã trích, sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm phát sinh chi phí thực tế.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 01 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ ngắn hạn;

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

- Có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở lên kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng :

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

12. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc đã thực thu tiền.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ.

Thu nhập từ các hoạt động khác và thu nhập khác, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

15. Các bên liên quan

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	34.855.498	168.122.740
Tiền mặt VND	34.855.498	168.122.740
Tiền gửi ngân hàng	24.982.594.575	7.078.680.055
Tiền gửi VND	1.885.667.708	1.318.239.820
Tiền gửi USD	23.096.926.867	5.760.440.235
Các khoản tương đương tiền (*)	131.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	156.017.450.073	107.246.802.795

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2022, lãi suất 4,4%-6,0%/năm;

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi tiết kiệm tại Vietin Bank - CN Bình Thuận	42.000.000.000	25.000.000.000
Tiền gửi tiết kiệm tại Vietcombank - CN Bình Thuận	89.000.000.000	75.000.000.000
Cộng	131.000.000.000	100.000.000.000

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	43.000.000.000	43.000.000.000	74.500.000.000	74.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	43.000.000.000	43.000.000.000	74.500.000.000	74.500.000.000
Cộng	43.000.000.000	43.000.000.000	74.500.000.000	74.500.000.000

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B69 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 260/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vietin Bank - CN Bình Thuận	12.000.000.000	36.000.000.000
Vietcombank - CN Bình Thuận	31.000.000.000	38.500.000.000
Cộng	43.000.000.000	74.500.000.000

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tập đoàn Itochu	30.934.980.555	22.790.039.027
- Unico Corporation	659.471.639	1.950.109.385
- Nomura Trading Co., Ltd	3.628.315.432	3.801.143.895
- Apron Apparel Co., Ltd	970.179.490	1.728.007.056
- Hirose Shokai Co., Ltd	-	910.190.175
- Teijin Frontier Co., Ltd	-	379.020.109
- Takisada - Nagoya Co., Ltd	746.627.288	3.796.275
Cộng	36.939.574.404	31.562.305.922

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	53.932.212	97.531.581
Phải thu khác		
+ Tiền ăn ca của người lao động	72.091.500	61.185.500
+ Thu lợi tiền thuế TNCN của CNV	-	40.188.160
+ Thu lợi tiền bảo hiểm của CNV	1.265.308.230	1.058.646.950
+ Dự thu lãi tiền gửi	271.901.370	38.446.575
+ Tạm ứng cổ tức 20% vốn điều lệ trong năm	9.992.370.000	9.728.770.000
Cộng	11.655.603.312	11.024.768.766

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phụ liệu	2.505.035.647	2.689.326.068
Phụ tùng thay thế	720.476.254	558.955.630
Nguyên phụ liệu	652.737.943	2.317.628.827
Nhiên liệu (Gas)	147.263.241	37.155.356
Vật tư sửa chữa	89.065.076	30.140.576
Công cụ, dụng cụ	21.163.475	5.583.248
Bao bì luân chuyển	670.034.552	651.162.134
Cộng	4.805.776.188	6.289.951.839

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

6. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

a. Ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	114.831.319	1.242.278.632	1.173.366.657	183.743.294
Cộng	114.831.319	1.242.278.632	1.173.366.657	183.743.294

b. Dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa, nâng cấp	-	725.628.659	21.588.500	704.040.159
Công cụ, dụng cụ	869.164.574	891.531.056	682.508.576	1.078.187.054
Cộng	869.164.574	1.617.159.715	704.097.076	1.782.227.213

7. Tài sản cố định hữu hình

<u>Chi tiêu</u>	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu kỳ	50.515.310.968	82.194.686.834	4.293.608.450	4.212.596.013	141.216.202.265
Tăng trong kỳ	-	5.301.357.282	-	-	5.301.357.282
- Mua		5.301.357.282	-	-	5.301.357.282
Giảm trong kỳ	-	1.529.308.599	-	-	1.529.308.599
- Thanh lý	-	1.529.308.599	-	-	1.529.308.599
Số cuối kỳ	50.515.310.968	85.966.735.517	4.293.608.450	4.212.596.013	144.988.250.948
KHẤU HAO LUỸ KẾ					
Số đầu kỳ	40.473.355.089	62.625.956.687	3.137.869.694	3.987.443.982	110.224.625.452
Tăng trong kỳ	1.501.523.839	6.083.506.144	368.592.000	74.172.000	8.027.793.983
- Khấu hao	1.501.523.839	6.083.506.144	368.592.000	74.172.000	8.027.793.983
Giảm trong kỳ	-	1.529.308.599	-	-	1.529.308.599
- Thanh lý	-	1.529.308.599	-	-	1.529.308.599
Số cuối kỳ	41.974.878.928	67.180.154.232	3.506.461.694	4.061.615.982	116.723.110.836
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu kỳ	10.041.955.879	19.568.730.147	1.155.738.756	225.152.031	30.991.576.813
Số cuối kỳ	8.540.432.040	18.786.581.285	787.146.756	150.980.031	28.265.140.112

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nhà cửa, vật kiến trúc	31.413.705.901	23.734.475.973
Máy móc, thiết bị	48.681.166.020	40.233.107.581
Phương tiện vận tải	1.922.074.632	1.922.074.632
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.780.707.983	3.780.707.983
Cộng	85.797.654.536	69.670.366.169

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

8. Tài sản cố định vô hình

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Quyền sử dụng đất tại VPĐD</u>	<u>Quyền sử dụng đất tại Công ty</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu kỳ	1.653.225.000	5.345.026.392	6.998.251.392
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.653.225.000	5.345.026.392	6.998.251.392
KHẤU HAO LUỸ KẾ			
Số đầu kỳ	-	1.667.785.910	1.667.785.910
Tăng trong kỳ	-	109.077.600	109.077.600
- Khấu hao	-	109.077.600	109.077.600
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	1.776.863.510	1.776.863.510
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu kỳ	1.653.225.000	3.677.240.482	5.330.465.482
Số cuối kỳ	1.653.225.000	3.568.162.882	5.221.387.882

9. Bất động sản đầu tư

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu kỳ	-	5.633.101.505	5.633.101.505
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	5.633.101.505	5.633.101.505
KHẤU HAO LUỸ KẾ			
Số đầu kỳ	-	1.955.810.540	1.955.810.540
Tăng trong kỳ	-	375.536.050	375.536.050
- Khấu hao	-	375.536.050	375.536.050
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	2.331.346.590	2.331.346.590
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu kỳ	-	3.677.290.965	3.677.290.965
Số cuối kỳ	-	3.301.754.915	3.301.754.915

“Bất động sản đầu tư” là giá trị quyết toán giai đoạn I của hạng mục dự án Nhà ở thu nhập thấp cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Trong năm 2017, Công ty đã tiến hành nghiệm thu và đưa vào sử dụng cho người lao động có thu nhập thấp tại Công ty thuê theo dự án.

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Dự án cụm công nghiệp Phú Long - Huyện Hàm Thuận Bắc (*)	2.670.725.674	2.670.725.674
Cộng	2.670.725.674	2.670.725.674

(*) Dự án được chấp thuận thực hiện theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2596/QĐ-UBND ngày 07/09/2016 của UBND tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên, cho đến nay dự án chưa được tiếp tục triển khai do còn vướng mắc một số vấn đề liên quan đến phê duyệt giá đất cụ thể, áp giá đền bù, thu hồi đất, giao đất...

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, công ty đã có báo cáo gửi Sở Công thương tỉnh Bình Thuận về việc báo cáo tình hình triển khai đến tháng 12/2022 của dự án Hạ tầng khu Công nghiệp Phú Long, đề xuất các kiến nghị, đề nghị Sở Công thương quan tâm và tiếp tục hỗ trợ dự án sớm được thực hiện.

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	500.000.000	-	500.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV DV PLG (**)	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	-	500.000.000	-

(**) Công ty TNHH MTV Dịch vụ PLG được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3401061157 đăng ký lần đầu vào ngày 01 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp. Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ PLG với số tiền là 500.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả người bán các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ PLG	658.064.520	482.044.750
Phải trả người bán khác		
Công ty TNHH Bao Bì Trung Phát	470.247.170	435.400.916
Công ty TNHH Moririn Việt Nam	729.031.630	847.212.204
Công ty TNHH In Hoa Ruijia Việt Nam	-	2.075.612.430
Công Ty TNHH SX-TM T& T	1.159.449.649	-
Gerber Scientific International Limited	779.849.028	-
Một số nhà cung cấp khác	2.621.351.256	1.031.973.106
Cộng	6.417.993.253	4.872.243.406

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

13. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.584.044.125	11.479.058.335	13.777.608.147	4.285.494.313
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(997.675)	3.775.446.370	3.705.353.018	69.095.677
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế đất phi nông nghiệp năm 2022	-	40.616.101	40.616.101	-
Cộng	6.583.046.450	15.298.120.806	17.526.577.266	4.354.589.990

(*) Số thuế nộp thừa được trình bày tại chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” trên bảng cân đối kế toán.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

14. Phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Kinh phí công đoàn	241.533.400	275.743.604
- Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu	23.198.271	25.635.271
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	2.303.750	2.303.750
- Tiền thuế TNCN của CNV thu dư	28.540.639	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.676.000	25.737.400
Cộng	300.252.060	329.420.025

15. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu kỳ	Trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	Tặng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	6.761.763.070	3.835.000.000	2.980.000	3.709.872.080	6.889.870.990
Quỹ KTPL khác	69.694.187	-	-	-	69.694.187
Cộng	6.831.457.257	3.835.000.000	2.980.000	3.709.872.080	6.959.565.177

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu kỳ trước	48.643.850.000	2.315.860.000	24.145.402.299	11.961.087.293	4.776.547.390	91.842.746.982
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	38.350.236.014	38.350.236.014
Tăng do sáp nhập Công ty May Phú Long	-	-	-	-	38.355.863.732	38.355.863.732
Kết chuyển từ Lợi nhuận chưa phân phối sang Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	29.090.401.122	-	(29.090.401.122)	-
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(9.728.770.000)	(9.728.770.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.313.240.000)	(4.313.240.000)
Số cuối kỳ trước/ Số đầu kỳ này	48.643.850.000	2.315.860.000	53.235.803.421	11.961.087.293	38.350.236.014	154.506.836.728
Góp vốn trong năm	1.318.000.000	1.665.952.000	-	-	-	2.983.952.000
Kết chuyển từ Lợi nhuận chưa phân phối sang Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	24.786.466.014	-	(24.786.466.014)	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	49.337.316.626	49.337.316.626
Hạch toán PPLN năm 2021- cổ tức đã tạm chia trong năm 2021	-	-	-	-	(9.728.770.000)	(9.728.770.000)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	(49.961.850.000)	-	-	(49.961.850.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.835.000.000)	(3.835.000.000)
Số cuối kỳ này	49.961.850.000	3.981.812.000	28.060.419.435	11.961.087.293	49.337.316.626	143.302.485.354

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	49.961.850.000	48.643.850.000
Cộng	49.961.850.000	48.643.850.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.864.385	4.864.385
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	4.996.185	4.864.385
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	4.996.185	4.864.385

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/2022 NQ-ĐHCEĐ ngày 10 tháng 04 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Số được phân phối	Số đã phân phối năm trước	Số còn được phân phối năm nay
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.835.000.000	-	3.835.000.000
Chia cổ tức bằng tiền	59.690.620.000	9.728.770.000	49.961.850.000
Bổ sung Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	24.786.466.014	-	24.786.466.014
Cộng	88.312.086.014	9.728.770.000	78.583.316.014

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gia công xuất khẩu	498.745.988.388	381.430.499.145
Doanh thu gia công nội địa	2.170.829.785	18.665.129.166
Doanh thu khác	109.164.899	121.425.769
Cộng	501.025.983.072	400.217.054.080

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn gia công xuất khẩu	435.179.567.862	331.806.441.890
Giá vốn gia công nội địa	1.894.152.113	16.236.798.342
Giá vốn hoạt động khác	95.251.560	105.628.292
Cộng	437.168.971.535	348.148.868.524

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Dự thu lãi tiền gửi (*)	271.901.370	38.446.575
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.790.943.011	4.256.827.762
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.772.089.804	1.731.557.464
Cộng	12.834.934.185	6.026.831.801

(*) Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết đã ghi nhận khoản dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn đến ngày 31/12/2022 vào thu nhập hoạt động tài chính năm 2022. Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn đến 31/01/2023 Công ty ghi nhận theo lãi suất thực tế của hợp đồng tiền gửi, đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại Công ty ghi nhận theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do trước đó Công ty có tiền lệ tất toán trước hạn để thanh toán lương cho người lao động.

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.666.693.425	552.902.992
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	565.448.334	100.871.460
Cộng	2.232.141.759	653.774.452

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.835.307.600	1.962.432.901
Cộng	1.835.307.600	1.962.432.901

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.391.742.000	4.363.005.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.227.305.681	1.252.642.979
Chi phí bằng tiền khác	5.165.924.712	3.974.059.348
Cộng	11.784.972.393	9.589.707.327

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập do thanh lý tài sản cố định	-	42.727.273
Thu nhập khác	-	8.195.000
Cộng	-	50.922.273

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế	23.149.009	95.338.117
Cộng	23.149.009	95.338.117

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	60.816.374.961	45.844.686.833
Các khoản điều chỉnh tăng	588.597.343	95.338.117
Chi phí không được trừ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp	23.149.009	95.338.117
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	565.448.334	100.871.460
Các khoản điều chỉnh giảm	(100.871.460)	(64.983.586)
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện năm nay	(100.871.460)	(64.983.586)
Cổ tức, lợi nhuận từ các công ty con, liên kết	-	-
Thu nhập chịu thuế	61.304.100.844	45.875.041.364

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Lỗ chịu thuế các năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	61.304.100.844	45.975.912.824
Chi phí thuế TNDN dự án đầu tư mở rộng phải nộp (Thuế suất 20%, Ưu đãi giảm 50% tiền thuế phải nộp)	781.761.834	601.214.936
Chi phí thuế TNDN phải nộp (Thuế suất ưu đãi 17%)	-	3.378.844.522
Chi phí thuế TNDN phải nộp (Thuế suất 20%)	10.697.296.501	4.017.641.491
Hạch toán giảm thuế TNDN theo biên bản xác nhận số liệu thanh tra PLG ngày 13/04/2021	-	(503.250.130)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.479.058.335	7.494.450.819

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo riêng của Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết và sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định tại khoản 3.19 điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.375.146.668	31.615.029.725
Chi phí nhân công	347.268.020.016	277.106.541.902
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.512.407.633	10.699.881.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.719.021.205	10.745.667.854
Chi phí bằng tiền khác	33.914.656.006	29.533.887.921
Cộng	450.789.251.528	359.701.008.752

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV DV PLG	Công ty con (chiếm 100% vốn điều lệ công ty con)
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

1.2 Giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Công ty TNHH MTV DV PLG	Chi phí mua suất ăn	13.564.788.000

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Số dư các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH MTV DV PLG	Phải trả người bán	658.064.520

1.3 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt

Trong năm 2022, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt khác.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt, chi tiết gồm:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	4.787.601.474	4.363.005.000
Cộng	4.787.601.474	4.363.005.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính riêng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập báo cáo tài chính này có thể làm sai lệch các số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Công ty.

4. Thông tin khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, thị giá cổ phiếu PTG được niêm yết trên sàn chứng khoán Upcom là 300 đồng, bằng 3% so với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng. Nguyên nhân việc thị giá cổ phiếu rất thấp so với mệnh giá cổ phiếu là do:

- 1- Phát sinh giao dịch mua bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán rất hạn chế. Kể từ ngày giao dịch đầu tiên 04/01/2010 cho đến nay, khối lượng giao dịch chuyển nhượng trên sàn chứng khoán không đáng kể.
- 2- Hàng năm, công ty đều tiến hành chia cổ tức cho cổ đông, tại thời điểm chia cổ tức theo quy tắc thị trường làm giảm thị giá cổ phiếu trên sàn chứng khoán. Thông tin các lần chia cổ tức Công ty từ năm 2010 đến nay như sau :

Ngày	Tỷ lệ chi cổ tức	Phương án chi
23/10/2010	15%	Cổ tức bằng tiền
13/06/2011	15%	Cổ tức bằng tiền
23/11/2011	10%	Cổ tức bằng tiền
23/03/2012	1:1	Thưởng bằng cổ phiếu
06/06/2012	10%	Cổ tức bằng tiền
11/10/2012	10%	Cổ tức bằng tiền
22/05/2013	10%	Cổ tức bằng tiền
25/09/2013	10%	Cổ tức bằng tiền

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

24/12/2013	5%	Cổ tức bằng tiền
16/04/2014	2:1	Thưởng bằng cổ phiếu
06/06/2014	10%	Cổ tức bằng tiền
08/08/2014	10%	Cổ tức bằng tiền
26/11/2014	10%	Cổ tức bằng tiền
26/05/2015	10%	Cổ tức bằng tiền
24/11/2015	10%	Cổ tức bằng tiền
24/05/2016	10%	Cổ tức bằng tiền
24/11/2016	10%	Cổ tức bằng tiền
24/05/2017	10%	Cổ tức bằng tiền
30/11/2017	10%	Cổ tức bằng tiền
02/04/2018	100%	Cổ tức bằng tiền
20/11/2018	20%	Cổ tức bằng tiền
12/07/2019	20%	Cổ tức bằng tiền
09/04/2020	100%	Cổ tức bằng tiền
19/11/2020	20%	Cổ tức bằng tiền
19/05/2021	20%	Cổ tức bằng tiền
13/05/2022	100%	Cổ tức bằng tiền
29/11/2022	20%	Cổ tức bằng tiền

- 3- Từ hai nguyên nhân trên dẫn đến thị giá cổ phiếu giảm thấp hơn nhiều lần so với mệnh giá cổ phiếu qua các năm. Các mốc thay đổi thị giá cổ phiếu đáng kể như sau :

Ngày	Thị giá cổ phiếu (VND)	Ngày	Thị giá cổ phiếu (VND)
04/01/2010	10.000	20/08/2015	1.500
05/08/2011	8.500	28/09/2015	700
10/08/2011	6.000	03/04/2017	900
23/11/2011	5.000	10/08/2017	1.600
23/03/2012	2.500	16/11/2017	2.500
16/04/2012	3.500	30/11/2018	1.500
30/05/2012	4.900	16/12/2019	210
05/08/2013	4.200	19/11/2020	100
13/10/2014	1.500	10/11/2021	200
26/05/2015	500	04/11/2022	300

Bình Thuận, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu,

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NỮ

HUỲNH THỊ NGỌC CHẤN



Phó Tổng Giám đốc
 HUỲNH MỸ LINH

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm